TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 127/2023/HNGĐ-ST Ngày: 20 - 9 - 2023 *V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn;*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tuấn Long

Bà Phan Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa, Bà Lê Lệ Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc: " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/ 2023/QĐHPT ngày 07/9/2023 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T - sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện H, Thanh Hóa,

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã Th, huyện H, Thanh Hóa,

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện H, Thanh Hóa,

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2023, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thanh T có quan điểm trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được UBND xã V (nay

là xã Th) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/02/2017, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H hay chơi bời, bài bạc, không tu chí làm ăn dẫn tới nợ nần, không quan T đến cuộc sống vợ con, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, gia đình đã phải trả nợ thay cho anh H nhiều lần nH anh H vẫn không từ bỏ bài bạc. Sau nhiều lần được chị T và gia đình khuyên ngăn nH anh H vẫn ham chơi bài bạc, nên chị T và anh H đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2022. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu đầu là Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 16/11/2017 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/7/2021. Từ khi vợ chồng ly thân hai cháu vẫn ở với chị, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung*:* Vợ chồng chưa có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết,

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H không có mặt tại Tòa án để làm việc. Theo kết quả tống đạt văn bản tố tụng ngày 13/5, ngày 13/6, ngày 19/7 và ngày 28/8/2023, anh Nguyễn Văn H không có mặt tại gia đình nH được bà Nguyễn Thị Mai (mẹ đẻ) nhận thay văn bản tố tụng và cam kết giao tận tay văn bản đã nhận cho anh H.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/6/2023, Trưởng thôn Phú Đa, xã Phú Lộc cho biết, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh T có đăng ký kết hôn, hiện tại anh H vẫn đăng ký nhân khẩu tại địa phương thỉnh thoảng mới về nhà, thời điểm chị T làm đơn ly hôn anh H đã biết được thông tin và nhận được văn bản tố tụng của Tòa án. Về nguyên nhân mâu thuẫn Trưởng thôn Phú Đa không nắm bắt được thông tin nên không cung cấp được cho Tòa án.

Bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ) anh H cung cấp, anh H và chị T kết hôn vào năm 2017 nhưng do anh H ham chơi, nợ nần, không quan T đến gia đình, nên chị T sinh ra chán nản. Từ ngày 08/01/2023 (AL) chị T đã đưa các cháu về ngoại sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung, cháu đầu là Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 16/11/2017 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/7/2021, ly hôn chị T có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu, Nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên không xem xét. Sau khi ly hôn, anh H được quyền và nghĩa vụ qua lại thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T và người thân không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết,

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H vào ngày 08/02/2017. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của anh và chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn: Năm 2017, chị T và anh H chính thức đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, nhưng thời gian chung sống khoảng được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ham chơi bời, không chịu khó làm ăn, nợ nần do bài bạc nên nhiều lần gia đình phải trả nợ thay. Trong cuộc sống hôn nhân, anh H không quan T đến cuộc sống vợ con, dẫn tới chị T chán nản nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2023 (AL). Đến nay chị T và anh H cũng không ai còn quan T, qua lại với nhau, cuộc sống, kinh tế của ai tự người ấy lo liệu. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là phù hợp với tình trạng hôn nhân như hiện nay.

[4]. Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh do chị T giao nộp, thì chị T và anh H có 02 con chung, cháu đầu là Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 16/11/2017 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/7/2021, theo bà Nguyễn Thị Mai (mẹ anh H) cho biết, từ ngày 08/01/2023 chị T đã đưa các cháu về ngoại sinh sống. Như vậy, sau khi chị T và anh H sống ly thân, anh H đã bỏ mặc các con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, không có trách nhiệm vật chất, tình thần để cùng với chị T chăm sóc nuôi con. Tại thời điểm giải quyết vụ án, chi T cung cấp mức thu nhập hàng tháng để chứng minh điều kiện thu nhập và nguồn tài chính để duy trì sinh hoạt cuộc sống chung trong gia đình. Nay nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng, phù hợp với môi trường dưỡng dục, vì lợi ích chung của con, nên giao cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Sau khi ly hôn, anh H được quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T và người thân không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Xét việc vắng mặt của bị đơn: Tại thời điểm chị T khởi kiện, anh Nguyễn Văn H không có mặt để cung cấp thông tin liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nH các văn bản tố tụng tống đạt được bà Nguyễn Thị Mai (mẹ đẻ) anh H nhận và cam kết giao tận tay văn bản đó cho anh, việc anh không có mặt tại Tòa án để trình bày thông tin liên quan đến yêu cầu khởi kiện nH trên thực tế thì anh H đã biết việc chị T làm đơn ly hôn với anh. Theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho bà M nhận thay và cam kết được coi là tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh H. Như vậy, việc anh H vắng mặt tại Tòa án là hành vi cố tình lẫn tránh không khai báo, gây khó khăn cho nguyên đơn, cho Tòa án khi tiến hành giải quyết vụ án. Nay Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn tố tụng và quyền của các đương sự trong vụ án.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Công nhận anh H và chị T có 02 con chung, cháu Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 16/11/2017 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/7/2021. Giao hai cháu Nguyễn Mai Ph và cháu Nguyễn Gia H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh H được quyền, nghĩa vụ qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T và người thân không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2022/0005258 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Án xử công khai mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
-VKSND huyện H;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.
- UBND xã Th;
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi